SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT
HUỲNH THÚC KHÁNG
Số: 364/QĐ – HTK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3113/QĐ-SGDĐT ngày 05/11/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục & Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ sung dự toán chi NSNN kinh phí thực hiện chính sách giáo dục;

Theo đề nghị của Kế toán Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Hình thức, địa điểm công khai: Công khai Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Văn phòng, Bộ phận phụ trách trang thông tin điện tử Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng và các bộ phận, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT Quảng Ngãi;
- Website Trường;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

Đỗ Tấn Ngọc

SỞ GD & ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

Mẫu biểu số 74

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 324/QĐ-HTK ngày 13/11/2026 của Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp…..***	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**1.182,5**
1	**Nguồn ngân sách trong nước**	**1.182,5**
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**1.182,5**
3.1	**Kinh phí thường xuyên giao tự chủ**	**1.182,5**

	Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, theo Nghị định 238/2025/NĐ- CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ *Căn cứ Quyết định số 3113/QĐ-SGDĐT ngày 05/11/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục & Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ sung dự toán chi NSNN (Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục*	*1.182,5*
3.2	**Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	